TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 5 - 2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà: Đậu Thị Phú
2. Ông: Phan Xuân Lợi

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Đàm Xuân Tân - Kiểm sát viên

Ngày 21 thán 5 năm 2019, tại trụ sở. Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 02/05/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị H, sinh năm 1985; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt

Bị đơn: anh Lê Văn H, sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/02/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: chị và anh Lê Văn H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 24/06/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ anh H tại thôn Nam Lãnh, xã Q được một thời gian ngắn, cuộc sống chung rất đầm ấm, hạnh phúc. Đến cuối năm 2008 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đến giữa năm 2014 thì mâu thuẫn trở nên căng thẳng hơn. Nguyên nhân do anh H thường xuyên rượu chè về nhà gây gỗ, đánh đập chị, vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, không có sự tôn trọng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng

nặng nề nên chị đã tự ý bồng con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2014 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau ai biết và lo công việc nấy. Hiện nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau nên kiên quyết xin được ly hôn anh Lê Văn H để sớm ổn định cuộc sống bản thân và nuôi dạy con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Lê Văn H đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Toà án đã tiến hành xác minh tại UBND xã và gia đình anh H thì mẹ anh H cho biết gia đình đã nhiều lần nhận được các văn bản tố tụng của Toà án gửi cho anh H do cán bộ liên lạc xã Q giao trực tiếp, nhưng do kinh tế gia đình khó khăn nên anh H đã đi Miền Nam làm ăn sinh sống. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng, gia đình đã điện thoại báo cho anh H biết, nhưng H cho biết mới xin được việc làm tại Công ty nên không xin nghỉ được, vì vậy không thể có mặt theo giấy triệu tập của Toà án. Trước khi chị H làm đơn xin ly hôn gửi Toà án thì anh H, chị H có bàn bạc với gia đình và thống nhất đồng ý để cho chị H làm đơn xin ly hôn. Đến ngày 26/4/2019, Toà án đã nhận được đơn trình bày và đơn xin xét xử ly hôn vắng mặt của anh H có xác nhận của công ty TNHH một thành viên Việt Hưng Khang. Anh H trình bày: Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Q đã gữi cho anh, nhưng do điều kiện ở xa, mới xin được việc làm, chưa ổn định công việc nên anh không thể nghĩ việc và có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án được. Vì vậy, anh đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh. Anh khai nhận giữa anh và chị Lê Thị H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q vào ngày 24/6/2003. Quá trình vợ chồng sống chung do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên không khí trong gia đình lúc nào cũng nặng nề. Đến giữa năm 2014 thì chị H tự ý bồng con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, dẫn đến vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại anh thực sự cũng không còn tình cảm với chị H nữa nên cũng mong được ly hôn.

Về quan H con chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn H thống nhất trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lê Tiến T, sinh ngày 08/10/2006 và Lê Tiến Đ, sinh ngày 29/01/2010. Hiện nay cháu T sống cùng anh H, còn cháu Đ sống cùng chị H kể từ khi hai vợ chồng sống ly thân 2014. Sau khi ly hôn chị H và anh H đều có nguyện vọng giao con chung Lê Tiến T cho anh Lê Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Lê Tiến Đ cho chị Lê Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về quan H tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh H thống nhất khai nhận vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Q phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định

của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng nhiều lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Toà án đã tiến hành xác minh về sự vắng mặt của bị đơn. Chính quyền địa phương và gia đình đều xác định anh H đã biết rõ chị H làm đơn xin ly hôn anh gửi đến Toà án, nhưng anh mới xin được việc làm nên không thể nghĩ để có mặt theo giấy triệu tập của Toà án được. Đến gày 29/3/2019 bị đơn đã có đơn trình bày ý kiến của bị đơn đối với các yêu cầu của nguyên đơn và có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xử: Về quan H hôn nhân: Cho chị Lê Thị H ly hôn anh Lê văn H; về quan H con chung: Giao con chung Lê Tiến Thành cho anh Lê Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Lê Tiến Đcho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ai; về quan H tài sản và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia nên không xem xét; về án phí buộc chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị H và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện. Tòa án xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Quá trình chuẩn bị xét xử anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, ngày 29/3/2019 anh H đã có đơn trình bày ý kiến của anh đối với các yêu cầu của chị H và có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh H.

[2] Về quan H hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền nên đây là quan H hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, thông cảm và tạo điều kiện về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng do hai bên tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên thường xảy ra xung đột, có lời nói xúc

phạm và tH tôn trọng lẫn nhau, dẫn đến cãi vã nhau căng thẳng nên chị H đã tự ý bồng con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 5/2014 cho đến nay, hai bên sống ly thân, không quan tâm lo lắng gì cho nhau làm mâu thuẩn vợ chồng ngày càng căng thẳng, từ đó không còn tình cảm, không thể sống chung cùng nhau được. Hiện tại chị H và anh H đều khẳng định vợ chồng không còn tình cảm, không thể trở lại sống chung cùng nhau nên chị H kiên quyết xin ly hôn và anh H cũng đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẩn vợ chồng đã căng thẳng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên và phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan H con chung: Xét yêu cầu, nguyện vọng của chị H, anh H và các con chung thấy. Anh H, chị H đều có sức khoẻ, công việc và thu nhập tương đương nhau. Cháu Thành sống cùng H, còn cháu Đsống cùng chị H đã lâu, nên cuộc sống, học tập của các cháu đã ổn định. Chị H, anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và cháu Thành có nguyện vọng được sống chung cùng anh H, còn cháu Đcó nguyện vong được sống chung cùng chị H, nên chị H, anh H nhất trí thoả thuận giao con chung Lê Tiến T cho anh Lê Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Lê Tiến Đ cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần chấp nhận yêu cầu nguyện vọng của chị H, anh H và các con là phù hợp với yêu cầu điều kiện thực tế, phù hợp ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cũng như quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan H tài sản và nợ chung: Chị H, anh H đều khai nhận tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lê Văn H.

2. Về quan H hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Lê văn H. Quan H hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Về quan H con chung: xử giao con chung Lê Tiến T, sinh ngày 08/10/2006 cho anh Lê Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Lê Tiến Đ, sinh ngày 29/01/2010 cho chị Lê Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về quan H tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Số tiền án phí chị H phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, theo biên lai thu số 0001258, ngày 21/02/2019. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Toà án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình(02 bản);
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Dương Viết Hải